

Số: 115 /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản
trên địa bàn Thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 1 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 160/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Nghị định 77/2007/NĐ-CP ngày 10/5/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/1/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 197/TTr-TNMT-KS ngày 19 tháng 01 năm 2009 và văn bản số 1151/TNMT-TNKS ngày 24 tháng 4 năm 2009 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại báo cáo thẩm định số 564/STP-VBQP ngày 14 tháng 4 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đ/C Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, XD, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, TC;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng HĐND & ĐBQH HN;
- Như Điều 3;
- CPVP, TH, các Phòng CV;
- Trung tâm công báo
(để đăng công báo)
- VT, TNMTđ (3b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *K*
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh
Vũ Hồng Khanh

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số *M5*/2009/QĐ-UBND ngày *16* tháng *11* năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định điều kiện, trình tự thủ tục cấp giấy phép trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản bao gồm: Khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến ở thể rắn, thể khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên (đối với các lĩnh vực hoạt động khoáng sản khác được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật khác); trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, chính quyền các cấp và các đơn vị trong công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khoáng sản, tổ chức làm nhiệm vụ trong lĩnh vực khoáng sản; tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoáng sản ở Việt Nam; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Tài nguyên khoáng sản phải được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Việc thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản phải theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nằm ngoài phạm vi khoanh vùng khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật Khoáng sản và điều 20, điều 21 Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khoáng sản là tài nguyên trong lòng đất, trên mặt đất dưới dạng những tích tụ tự nhiên khoáng vật, khoáng chất có ích ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, hiện tại hoặc sau này có thể được khai thác. Khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ mà sau này có thể được khai thác lại, cũng là khoáng sản.
2. Khảo sát khoáng sản là hoạt động nghiên cứu tư liệu địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát thực địa nhằm khoanh định khu vực có triển vọng để thăm dò khoáng sản.
3. Thăm dò khoáng sản là hoạt động nhằm tìm kiếm, phát hiện, xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác, kể cả việc lấy, thử nghiệm mẫu công nghệ và nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản.
4. Khai thác khoáng sản là hoạt động xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, sản xuất và các hoạt động có liên quan trực tiếp nhằm thu khoáng sản.
5. Chế biến khoáng sản là hoạt động phân loại, làm giàu khoáng sản, hoạt động khác nhằm làm tăng giá trị khoáng sản đã khai thác.

Chương II

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 5. Phạm vi hoạt động khoáng sản và điều kiện để được cấp phép hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được hoạt động khoáng sản:
 - a) Doanh nghiệp trong nước, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuộc mọi thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư hoạt động khoáng sản được khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.
 - b) Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam được khảo sát, thăm dò khoáng sản.
 - c) Cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động khoáng sản được khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khai thác tận thu khoáng sản.
2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 điều này đáp ứng các điều kiện sau thì được xem xét cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:
 - a) Có đề án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khi hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có đủ năng lực về nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp thăm dò, khai thác, chế biến.

c) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 6. Điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản

Tổ chức chuyên ngành về địa chất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập hoặc các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư được hành nghề thăm dò khoáng sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Phải có người phụ trách kỹ thuật là kỹ sư địa chất đã công tác thực tế trong công tác thăm dò khoáng sản ít nhất là năm (05) năm; có hiểu biết và nắm vững các văn bản quy phạm pháp luật về thăm dò khoáng sản.

2. Phải có cán bộ, công nhân kỹ thuật thuộc các chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan.

3. Phải có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công các công trình thăm dò khoáng sản.

Điều 7. Giám đốc điều hành mỏ

Tổ chức, cá nhân chỉ được tiến hành hoạt động khai thác mỏ khi có Giám đốc điều hành mỏ.

1. Giám đốc điều hành mỏ do tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản bổ nhiệm để trực tiếp điều hành các hoạt động khai thác khoáng sản và chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc điều hành mỏ phải là người có trình độ và năng lực quản lý về khai thác mỏ (quy định tại Điều 19, Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ).

3. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải báo cáo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của giám đốc điều hành mỏ đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỒ SƠ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, THẨM ĐỊNH VÀ XÉT DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Điều 8. Thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản, thẩm định và xét duyệt trữ lượng khoáng sản

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội uỷ quyền Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản gồm:

1) Các loại khoáng sản thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại Điều 16, Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản.

2) Than bùn.

3) Khoáng sản nằm trong khu vực đã được điều tra, đánh giá hoặc thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản mà không nằm trong quy hoạch khai thác, chế biến khoáng sản của cả nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc không thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản Quốc gia.

Điều 9. Hồ sơ cấp phép, gia hạn, cấp lại, cho phép trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản.

1. Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

b) Đề án thăm dò khoáng sản, kèm theo bản đồ khu vực thăm dò.

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

2. Hồ sơ xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản:

Hồ sơ xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản phải nộp đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi giấy phép thăm dò hết hạn 30 ngày, bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.

b) Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công tác thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng thăm dò tiếp tục.

c) Bản đồ khu vực thăm dò, trong đó đã loại trừ ít nhất ba mươi phần trăm (30 %) diện tích theo giấy phép được cấp trước đó.

3. Hồ sơ xin cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản.

Hồ sơ xin cấp lại phải nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi giấy phép thăm dò hết hạn 30 ngày (trong trường hợp giấy phép gia hạn thăm dò sắp hết hạn mà vẫn chưa đủ căn cứ lập dự án đầu tư khai thác) bao gồm :

a) Đơn xin cấp lại giấy phép thăm dò.

b) Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công tác thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng tiếp tục thăm dò.

c) Bản đồ khu vực xin cấp lại giấy phép thăm dò.

4. Hồ sơ xin trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò.

b) Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình thăm dò đã thực hiện đến thời điểm xin trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích ghi trong giấy phép.

c) Bản đồ khu vực tiếp tục thăm dò; khối lượng công trình, chương trình tiếp tục thăm dò đối với trường hợp trả lại một phần diện tích thăm dò.

5. Hồ sơ chuyển nhượng giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò và bản kê giá trị tài sản sẽ chuyển nhượng.

b) Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình đã thực hiện và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền thăm dò.

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

6. Hồ sơ xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình đã thực hiện và chương trình tiếp tục thăm dò.

b) Bản sao văn bản pháp lý chứng minh tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền thăm dò khoáng sản (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân của tổ chức được thừa kế (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

Điều 10. Hồ sơ cấp phép, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản, tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản

1. Hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép khai thác, kèm theo bản đồ khu vực khai thác khoáng sản.

b) Bản sao quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có chứng thực của Công chứng Nhà nước (Trừ trường hợp không bắt buộc phải tiến hành thăm dò theo quy định của pháp luật).

c) Dự án đầu tư và thiết kế cơ sở khai thác mỏ được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước mà không phải là tổ chức đã được cấp giấy phép thăm dò hoặc bản sao giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

2. Hồ sơ cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản:

Hồ sơ đề nghị gia hạn phải nộp đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày giấy phép hết hạn chín mươi (90) ngày, bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm xin gia hạn kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm xin gia hạn; trữ lượng khoáng sản còn lại và diện tích xin tiếp tục khai thác.

c) Văn bản xác nhận về quá trình hoạt động khai thác, nghĩa vụ tài chính và đề nghị cho tiếp tục gia hạn giấy phép khai thác của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khoáng sản được khai thác.

Trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản được tiếp tục hoạt động đến thời điểm có quyết định gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

3. Hồ sơ xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác.

b) Bản đồ hiện trạng kèm theo báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm xin trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích khai thác.

c) Đề án đóng cửa mỏ đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác.

4. Hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng.

b) Báo cáo kết quả khai thác và các nghĩa vụ đã thực hiện đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền khai thác kèm theo bản đồ hiện trạng khai thác tại thời điểm xin chuyển nhượng.

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

5. Hồ sơ xin tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản.

b) Bản sao văn bản pháp lý chứng minh tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền khai thác khoáng sản (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

c) Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân được nhận thừa kế quyền khai thác khoáng sản (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

d) Bản đồ hiện trạng khai thác kèm theo báo cáo kết quả khai thác đến thời điểm xin được tiếp tục thực hiện quyền khai thác.

Điều 11. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép chế biến, tiếp tục thực hiện quyền chế biến khoáng sản

1. Hồ sơ cấp phép chế biến khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép chế biến khoáng sản.

b) Dự án đầu tư chế biến khoáng sản được phê duyệt theo quy định.

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin cấp giấy phép chế biến khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin cấp giấy phép chế biến khoáng sản là tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép chế biến khoáng sản

Hồ sơ đề nghị gia hạn phải nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày giấy phép hết hạn chín mươi (90) ngày, bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn giấy phép chế biến khoáng sản.

b) Báo cáo kết quả hoạt động chế biến đến thời điểm xin gia hạn; sản lượng khoáng sản xin tiếp tục chế biến.

Trong trường hợp giấy phép chế biến khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản được tiếp tục hoạt động đến thời điểm có quyết định gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

3. Hồ sơ xin trả lại giấy phép chế biến khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin trả lại giấy phép chế biến khoáng sản.

b) Báo cáo kết quả hoạt động chế biến từ ngày giấy phép có hiệu lực đến thời điểm xin trả lại.

4. Hồ sơ chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản.

b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng; báo cáo kết quả chế biến và các nghĩa vụ đã thực hiện đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền chế biến.

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản là tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

5. Hồ sơ xin tiếp tục thực hiện quyền chế biến khoáng sản bao gồm:

a) Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền chế biến khoáng sản.

b) Bản sao văn bản pháp lý chứng minh tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền chế biến khoáng sản (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

c) Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân của tổ chức được thừa kế quyền chế biến khoáng sản (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

d) Báo cáo kết quả chế biến và kế hoạch tiếp tục thực hiện chế biến khoáng sản.

Điều 12. Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản bao gồm:

1. Công văn trình thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

2. Đề án thăm dò và bản sao giấy phép thăm dò khoáng sản (có chứng thực của cơ quan công chứng theo quy định).

3. Biên bản nghiệm thu khối lượng và chất lượng công trình thăm dò đã thực hiện của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

4. Bốn bộ tài liệu, trong đó có ba bộ bản in và một bộ ghi trên đĩa CD bao gồm: Bản thuyết minh báo cáo kết quả thăm dò, các phụ lục, các bản vẽ và tài liệu có liên quan.

Điều 13. Thời gian thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức Hội nghị thẩm định và cấp giấy phép. Trường hợp phức tạp, thời gian thẩm định hồ sơ cấp giấy phép có thể dài hơn nhưng không quá 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Thời gian trên không bao gồm thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan).

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xin gia hạn, trả lại giấy phép, trả lại một phần diện tích hoạt động khoáng sản, chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản, tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản trong trường hợp thừa kế hợp pháp quyền hoạt động khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ và xét, quyết định cho phép (thời gian trên không bao gồm thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan).

3. Trong trường hợp không cấp thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp giấy phép.

Điều 14. Thời gian thực hiện việc thẩm định và phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức Hội nghị thẩm định và phê duyệt trữ lượng khoáng sản. Trường hợp không xét duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Khai thác tận thu khoáng sản

1. Hình thức khai thác tận thu.

Khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện đối với khoáng sản còn lại ở mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ để thanh lý hoặc bãi thải trong khai thác, chế biến của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ.

2. Diện tích khu vực khai thác tận thu khoáng sản của một giấy phép cấp cho một tổ chức không quá mười (10) ha, cho một cá nhân không quá một (1)ha.

3. Giấy phép khai thác tận thu được gia hạn nhiều lần nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng với các điều kiện sau (tại thời điểm xin gia hạn):

a) Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu đã hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52 của Luật Khoáng sản.

b) Giấy phép khai thác tận thu còn hiệu lực không ít hơn ba mươi (30) ngày.

4. Trình tự thủ tục cấp phép, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện theo Điều 10 và điều 13 của Quy định này.

Điều 16. Chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại.

2. Khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì:

- a) Các quyền liên quan đến giấy phép thăm dò cũng chấm dứt;
- b) Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp các công trình thăm dò trở lại trạng thái bảo đảm an toàn, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai; giao nộp các mẫu vật, số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Các quy định tại điểm b khoản 2 Điều này không áp dụng đối với khu vực mà tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đã nộp đơn xin gia hạn giấy phép hoặc xin cấp giấy phép khai thác đúng quy định và đang được xem xét.

3. Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì:

- a) Các quyền liên quan đến giấy phép khai thác khoáng sản cũng chấm dứt;
- b) Các công trình, thiết bị để bảo đảm an toàn mỏ và bảo vệ môi trường ở khu vực được xác định trong giấy phép khai thác khoáng sản đều thuộc sở hữu nhà nước, không được tháo dỡ, phá hủy;
- c) Ngoài những tài sản nêu tại điểm b khoản này, trong thời hạn chín mươi (90) ngày, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực được xác định trong giấy phép khai thác khoáng sản; sau thời hạn nói trên, mọi tài sản còn lại đều thuộc sở hữu nhà nước;
- d) Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản này, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai theo quy định của Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản và các quy định khác của pháp luật.

4. Khi giấy phép chế biến khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì :

- a) Các quyền liên quan đến giấy phép đó cũng chấm dứt;

b) Các công trình, thiết bị để bảo vệ môi trường ở khu vực chế biến đều thuộc sở hữu nhà nước, không được tháo dỡ, phá hủy;

c) Ngoài những tài sản quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực chế biến khoáng sản;

d) Tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản phải thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan đến việc phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của Luật Khoáng sản, Nghị định 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

Chương IV

CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 17. Sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản được ký hợp đồng thuê đất để hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai và phù hợp với Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Thủ tục cho thuê đất để hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản được thực hiện sau khi có giấy phép hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản. Diện tích thuê đất để hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản phải thống nhất với diện tích được thể hiện trên bản đồ khu vực khai thác, chế biến kèm theo giấy cấp phép và kế hoạch sản xuất theo Dự án của tổ chức, cá nhân và mục đích sử dụng.

3. Khi giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì hợp đồng thuê đất cũng chấm dứt; khi từng phần diện tích khai thác được trả lại thì hợp đồng thuê đất cũng được thay đổi tương ứng.

Điều 18. Ký quỹ phục hồi môi trường

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải ký quỹ phục hồi môi trường và đất đai tại Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường có mức tiền ký quỹ phù hợp với dự án đầu tư, thiết kế khai thác mỏ, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tiền ký quỹ được tính lãi suất như đối với tiền gửi không kỳ hạn của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc ngân hàng thương mại mà tổ chức, cá nhân thực hiện ký quỹ theo quy định tại Khoản 3, điều 35 của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ.

4. Thủ tục đăng ký, quản lý, sử dụng tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 35 của Nghị định 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường.

Điều 19. Đóng cửa mỏ.

1. Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân nêu tại Khoản 1 Điều này phải lập đề án đóng cửa mỏ có nội dung theo Điều 11 quyết định số 1456/QĐ-ĐCKS ngày 04/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành "quy chế đóng cửa mỏ các khoáng sản rắn" trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 20. Đăng ký thông báo hoạt động khoáng sản

Việc đăng ký, thông báo hoạt động khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phải đăng ký tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường một (1) bộ kèm theo bản đồ khu vực khoáng sản để thông báo hoạt động và phối hợp quản lý.

2. Giấy phép hoạt động khoáng sản do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phải đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường và gửi đến Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam một (1) bộ kèm theo bản đồ khu vực khoáng sản để thông báo hoạt động và phối hợp quản lý.

3. Trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà không phải xin phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản năm 2005, trước khi khai thác, tổ chức, cá nhân phải đăng ký công suất, khối lượng, phương pháp và thiết bị khai thác kèm theo chương trình và kế hoạch khai thác tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Báo cáo về hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hoạt động khoáng sản và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin báo cáo. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Báo cáo về hoạt động khoáng sản bao gồm:

a) Báo cáo về hoạt động thăm dò khoáng sản, báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo về hoạt động chế biến khoáng sản của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản.

b) Báo cáo về hoạt động khoáng sản trên địa bàn của cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản.

3. Chế độ báo cáo về hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

a) Chế độ báo cáo về hoạt động khoáng sản được thực hiện theo định kỳ sáu tháng và một năm. Định kỳ sáu tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo. Định kỳ một năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

b) Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo nêu tại điểm a khoản này, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động khoáng sản.

4. Trách nhiệm nộp báo cáo về hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm lập báo cáo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và chậm nhất sau năm (05) ngày của kỳ báo cáo quy định tại khoản 3 Điều này phải nộp báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường còn phải nộp cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội lập báo cáo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này và chậm nhất sau mười lăm (15) ngày của kỳ báo cáo, báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam).

Chương V

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hoạch định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Tổ chức thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, đề án đóng cửa mỏ, dự án phục hồi môi trường theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản; cho phép chuyển nhượng, tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản trong trường hợp được thừa kế theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Chủ trì phối hợp với các ngành, uỷ ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức quản lý, lưu trữ, cho phép tham khảo tài liệu thông tin báo cáo thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng và than bùn; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố Hà Nội.

Các sở, ban, ngành liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản, xây dựng các chính sách về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thị trấn, xã, phường

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình uỷ ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thị trấn, xã, phường có trách nhiệm:

1. Thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn; thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở địa phương, kết hợp bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, trật tự xã hội nơi có tài nguyên khoáng sản.

2. Giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các điều kiện khác cho các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương.

3. Tuyên truyền, giáo dục và giám sát việc thi hành Luật Khoáng sản, tham gia giải quyết các tranh chấp về hoạt động khoáng sản và xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động khoáng sản phát sinh tại địa phương.

4. Phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên khoáng sản, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiên quyết xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn và xử lý vi phạm.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp mình trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản tại địa phương và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động khoáng sản trong địa bàn về Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản

1. Mọi hoạt động khoáng sản đều phải có giấy phép của cấp có thẩm quyền cấp phép hoặc cho phép; tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

2. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trong phạm vi diện tích đất của dự án đầu tư công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ sử dụng cho công trình đó thì không phải xin phép (không chuyên sản phẩm khai thác ra ngoài diện tích dự án được phê duyệt).

3. Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại khoản 2 điều này, tổ chức, cá nhân được quyền khai thác phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội và mọi công dân đều có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố, giám sát hoạt động khoáng sản, phát hiện các vi phạm, phản ánh kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa bàn quản lý hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản phải thu hồi khoáng sản, thực hiện các biện pháp bảo quản khoáng sản đã khai thác nhưng chưa được sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực hoạt động khoáng sản được giao.

3. Trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, nếu phát hiện thấy khoáng sản mới, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét quyết định trước khi tiếp tục hoạt động khoáng sản.

4. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, xây dựng, thăm dò địa chất... nếu phát hiện thấy tài nguyên khoáng sản phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để có biện pháp bảo vệ, quản lý vùng có tài nguyên khoáng sản đó.

5. Khi kết thúc hoạt động khoáng sản (giấy phép hết hạn, bị đình chỉ, bị thu hồi), tổ chức, cá nhân được phép hoạt động phải thực hiện các biện pháp bảo quản tài liệu địa chất, khai thác, an toàn mỏ, bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, bảo vệ môi trường, hoàn trả mặt bằng và thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Tổ chức, cá nhân lập quy hoạch xây dựng các khu dân cư tập trung, công trình cố định phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản (Sở Tài nguyên và Môi trường) về triển vọng tài nguyên khoáng sản trong khu vực trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Thanh tra chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các Điều 58, 59, 60, 61, 62 của Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản của Thanh tra về khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

2. Thanh tra Tài nguyên Môi trường chủ trì phối hợp với Thanh tra về quản lý đô thị, Thanh tra Giao thông Công chính, Xây dựng, Sở Công thương, Lao động thương binh và xã hội, Công an Thành phố tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn lao động, vệ sinh và bảo vệ môi trường, sinh thái, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ an toàn đô thị, các công trình giao thông và an toàn giao thông, an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động khoáng sản thuộc địa bàn quản lý, kịp thời xử lý theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

Điều 28. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc nghiên cứu phát hiện, bảo vệ tài nguyên khoáng sản thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội có hành vi vi phạm các quy định này thì tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ quyền hạn vi phạm các quy định này thì sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Các khiếu nại, tố cáo có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện được giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và theo quy định này.

Điều 30. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành và các đơn vị có liên quan gửi văn bản đề nghị về Sở Tài nguyên Môi trường để tổng hợp, báo cáo ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *KB*

PHÓ CHỦ TỊCH *LE*



Vũ Hồng Khanh